

Số: 13 /GPMT-UBND

TP. Cà Mau, ngày 10 tháng 10 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019);

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH MTV Toyota Nam Bình Cà Mau ngày 26/9/2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 765/TTr-PTNMT ngày 07/10/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Toyota Nam Bình Cà Mau, địa chỉ số 333, đường Trần Hưng Đạo, khóm 1, phường Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau; được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Showroom Ô tô cao cấp Toyota Cà Mau, địa chỉ tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 21, khóm 1, phường Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở đầu tư

1.1. Tên cơ sở: Showroom Ô tô cao cấp Toyota Cà Mau.

1.2. Địa điểm hoạt động: tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 21, khóm 1, phường Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 0287385327 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, chứng nhận lần đầu: Ngày 18/02/2022.

1.4. Mã số thuế: 2001315140

1.5. Loại hình cơ sở: Nhóm B

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

+ Phạm vi: Tổng diện tích khu đất 4.927m², khóm 1, phường Tân Thành, thành phố Cà Mau, thuộc thửa đất số 24, tờ bản đồ số 21.

+ Quy mô cơ sở: Showroom Ô tô cao cấp Toyota Cà Mau có tổng mức đầu tư là 152.159.813.934 đồng.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH MTV Toyota Nam Bình Cà Mau.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH MTV Toyota Nam Bình Cà Mau có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả chất thải, để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Cà Mau tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, PCT UBND TP;
- Công ty TNHH MTV Toyota Nam Bình Cà Mau;
- UBND phường Tân Thành;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Trang Thông tin điện tử TP;
- CV TNMT;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Tăng Vũ Em



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Ban hành kèm theo Giấy phép môi trường số: 13 /GPMT-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, nhân viên.
- Nguồn số 02: Nước thải vệ sinh xe.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn được thu gom tập trung tại hố ga và đấu nối vào hệ thống thoát nước chung khu vực.

Nguồn số 02: nước thải vệ sinh xe sau xử lý bằng bể tách dầu được thu gom tập trung tại hố ga và đấu nối vào hệ thống thoát nước chung khu vực.

2.2. Vị trí xả nước thải:

Vị trí xả thải: Hố ga đấu nối vào hệ thống thoát nước chung khu vực trên đường Trần Hưng Đạo, khóm 1, phường Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Tọa độ vị trí xả nước thải (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 104030', múi chiều 30): X = 1016098, Y = 573312.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 2,0 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả nước thải gián đoạn, xả theo các thời điểm có hoạt động rửa xe và sinh hoạt của Cơ sở.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

+ Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm như bảng sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 14:2008/BTNMT (cột B)	QCVN 29/2010/BTNMT (Cột B)
1	pH	-	5 – 9	5 – 9
2	BOD5 (20 °C)	mg/l	50	

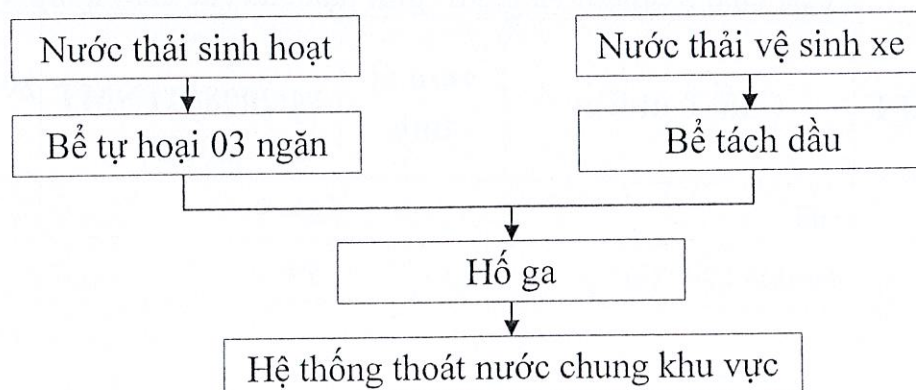
STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 14:2008/BTNMT (cột B)	QCVN 29/2010/BTNMT (Cột B)
3	Nhu cầu ô xy hóa học (COD)	mg/l	-	150
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	120
5	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1000	-
6	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4	-
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	-
8	Nitrat (NO ₃ ⁻)(tính theo N)	mg/l	50	-
9	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	-
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	-
11	Phosphat(PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10	-
12	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5000	-
13	Dầu mỡ khoáng (tổng hydrocarbon)	mg/l	18	-

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải.



1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt:

+ Công trình xử lý nước thải sinh hoạt:

Nước thải từ khu nhà vệ sinh sẽ được thu gom và xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn (04 bể) được xây dựng bằng bê tông cốt thép, lưu lượng 2 m³/bể.

Ngăn 1: Nhiệm vụ chính là tách các chất rắn vô cơ có trọng lượng riêng lớn hơn trọng lượng riêng của nước như cát, hạt quả, phân, ...ra khỏi nước thải. Thực chất là bể lắng đợt 1.

Ngăn 2: Tách các vật chất lơ lửng có tỷ trọng lớn (bùn, rác vụn...).

Ngăn lọc: Tách các chất ở trạng thái lơ lửng có kích thước nhỏ bằng cách lọc chúng qua lưới lọc đặc biệt hoặc qua lớp vật liệu lọc là vật liệu có nhiều lỗ bọt. Mô hình bể tự hoại cho thấy giữa 2 tấm đan bê tông cốt thép (BTCT) có đục lỗ là gạch vỡ, than củi hoặc than xi. Mục đích sử dụng than củi hay than xi, góp phần làm trong nước thải hơn sau khi lọc. Nước từ ngăn 2 được đưa đến sẽ được phân phối đều trên toàn diện tích bề mặt bể, đi qua lớp vật liệu lọc, được làm sạch và theo các ống máng có đục lỗ rút đi. Việc làm sạch nước được thực hiện nhờ các màng sinh vật xuất hiện trên bề mặt lớp vật liệu lọc khi tiếp xúc với oxy của không khí xâm nhập từ bề mặt bể, các lỗ ở thành bể và từ khoảng trống ở đáy bể. Để phân phối nước đều trên bể, người ta thường dùng các máng răng cưa hoặc ống châm lỗ.

Thời gian nước lưu trong bể từ 1 - 3 ngày nên vận tốc nước chảy trong bể rất nhỏ. Do đó, trong quá trình chuyển động, các hạt cặn sẽ chịu tác dụng của trọng lực, lắng dần xuống đáy bể. Chất hữu cơ trong cặn lắng sẽ bị phân hủy nhờ hoạt động của các vi sinh vật yếm khí. Vì vậy, cặn sẽ lên men, mất mùi hôi và giảm thể tích. Tốc độ lên men nhanh hay chậm phụ thuộc vào nhiệt độ, độ pH của nước thải, lượng vi sinh vật có trong lớp cặn,... Nhiệt độ càng cao tốc độ lên men cặn càng nhanh. Kết quả của quá trình lên men cặn là sẽ xử lý được cặn tươi, các chất hữu cơ sẽ bị phân huỷ thành các chất đơn giản gồm H₂O, CO₂, CH₄,... Độ ẩm của cặn tươi vào bể và cặn khi lên men tương ứng là 95% và 90%.

Bùn cặn ở đáy bể được hút định kỳ 6 tháng/lần và đem đổ đúng nơi quy định. Khoảng 20% lượng cặn đã lên men để lại trong bể để tạo men cho bùn cặn tươi mới lắng.

Ống thông hơi: Vượt lên cao qua khỏi mái nhà tối thiểu là 0,7m để dẫn các khí có thể gây nổ trong quá trình phân hủy của các chất hữu cơ (NH₄, H₂S, C₂H₂, CH₄) ra khỏi mạng lưới thoát.

+ Công trình xử lý nước thải vệ sinh xe:

Công suất thiết kế 4 m³/ngày đêm.

Nước thải vệ sinh xe được thu gom bằng ống PVC Φ 80 mm và tự chảy về bể tách dầu (gồm bể 1, bể 2, bể 3) để xử lý trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung khu vực.

** Quy trình vận hành:*

Bể 1: Nước thải vệ sinh xe được đưa trực tiếp vào bể 1 để điều hòa lưu lượng. Tại bể này các chất thải rắn sẽ được lắng dưới đáy bể và dầu, nhớt có tỉ trọng nhẹ hơn nước nên nổi lên trên mặt nước.

Bể 2: Sau khi ổn định lưu lượng thì nước thải sẽ được chảy tự động sang bể 2 để tiếp tục lắng cặn và tách dầu, nhớt.

Bể 3: Nước sau khi lắng cặn và tách dầu, nhớt ở bể 2 sẽ tự chảy qua bể 3 để tách các chất ở trạng thái lơ lửng có kích thước nhỏ bằng cách lọc chúng qua sơ dừa và than hoạt tính. Sau đó nước thải tập trung về hồ ga, đầu nối vào hệ thống thoát nước chung khu vực.

Cặn được nạo vét lấy ra định kỳ bằng phương pháp thủ công. Dầu nhớt sẽ được hút định kỳ vào bể thu gom dầu và lưu giữ ở kho chứa chất thải nguy hại.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.



Phụ lục 2

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG *(Ban hành kèm theo Giấy phép môi trường số: 13 /GPMT-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên ước tính:

STT	Tên chất thải nguy hại	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng)	Khối lượng (kg/năm)
1	Bộ lọc dầu qua sử dụng	15 01 02	Rắn	21
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	Rắn	2
3	Dầu động cơ, hợp số, bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	12
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất đảm bảo rỗng hoàn toàn	18 01 02	Rắn	7
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	Rắn	5
6	Chất hấp thụ vật liệu lọc như giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	29
Tổng				76

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 30,66 tấn/năm

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa chất thải nguy hại có nắp đậy loại 60 lít dán nhãn, dán mã CTNH.

Việc lưu chứa phải đáp ứng yêu cầu theo khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

2.1.2. Kho/khu vực chứa chất thải nguy hại:

Bố trí 01 kho/khu vực lưu chứa chất thải nguy hại diện tích 20 m², cấu tạo tường bao kín, mái lợp tôn, cửa nhôm kính, nền lát gạch, biển báo và các yêu cầu khác đảm bảo yêu cầu theo khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại đúng theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa rác thải sinh hoạt có nắp đậy loại 20 lít; 60 lít và 240 lít.

2.2.2. Phòng lưu chứa: được thu gom, phân loại và tập trung về nhà chứa. Hợp đồng với cơ sở có chức năng của địa phương đến thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Chủ cơ sở phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường theo Luật Bảo vệ môi trường, Quy chế ứng phó sự cố chất thải, cụ thể như sau:

* Đối với hầm tự hoại: Tại mỗi khu có kế hoạch thường xuyên theo dõi hoạt động của hầm tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra như:

- Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc đường ống dẫn dẫn đến phân, nước tiểu không tiêu thoát được. Do đó, phải thông bồn cầu và đường ống dẫn để tiêu thoát phân và nước tiểu.

- Tắc đường ống thoát khí hầm tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này phải tiến hành thông ống dẫn khí nhằm hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh.

- Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng hút hầm cầu.

* Sự cố cháy nổ

- Thường xuyên kiểm tra đảm bảo các đường dây, thiết bị cấp điện luôn được an toàn; Kiểm soát, tầm soát thường xuyên hệ thống điện, các thiết bị điện và các nơi dễ xảy ra cháy.

- Lắp đặt các bảng nội quy PCCC, tiêu lệnh PCCC; Lắp đặt hệ thống báo cháy tự động với những thiết bị hiện đại, chính xác cao, phát hiện cháy nhanh chóng để kịp thời chữa cháy có hiệu quả.

- Trang bị các bình chữa cháy bằng tay, các bình chữa cháy di động và chữa cháy được tất cả chất cháy như: chất lỏng, chất rắn. Các bình chữa cháy

được đặt ngay ngắn trên tường, mỗi vị trí được lắp đặt các bình chữa cháy bột tổng hợp MFZ4. Bố trí tại khu vực dễ quan sát.

- Hệ thống PCCC phải được kiểm tra và bảo trì thường xuyên theo định kỳ, đảm bảo an toàn. Quá trình lắp đặt và vận hành hệ thống PCCC phải được cơ quan có thẩm quyền cấp phép mới đưa vào sử dụng.

- Thực hiện yêu cầu khác về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

